

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 - ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 09 - 4 - 2026

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Nhựt Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Bạch Linh

2. Bà Nguyễn Thị Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Pha - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Đồng Tháp.

Trong ngày 09 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Đồng Tháp, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 46/2026/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 01 năm 2026 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Tuyết N, sinh năm 1998; Nơi thường trú: số nhà C, ấp A, xã M, tỉnh Đồng Tháp; Địa chỉ liên hệ: số nhà A, ấp A, xã L, tỉnh An Giang, có mặt.

- Bị đơn: Anh Trần Minh T, sinh năm 1989; Địa chỉ: số nhà C, ấp A, xã M, tỉnh Đồng Tháp, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện đề ngày 08/01/2026 và đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện đề ngày 24/02/2026, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn Trần Thị Tuyết N trình bày: Chị N và anh T kết hôn với nhau vào năm 2014 đến năm 2020 đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp nay là Ủy ban nhân dân xã M, tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận kết hôn số 13 ngày 24/02/2020. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung với nhau hạnh phúc một thời gian dài đến tháng 7 năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau về kinh tế gia đình. Vì vậy vợ chồng đã xa nhau và ly thân từ năm tháng 7 năm 2025 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Trần Thị Tuyết N yêu cầu ly hôn

với anh Trần Minh T. Quá trình sống chung thì chị N và anh T có 02 con chung tên Trần Khánh B, sinh ngày 18/10/2020 và Trần Chánh K, sinh ngày 22/3/2015, hiện hai con đang sống với anh T. Chị N đồng ý giao cháu B và cháu K cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị N không cấp dưỡng nuôi con. Về chia tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Chị N cam kết không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn Trần Minh T trình bày: Anh T và chị N kết hôn với nhau vào năm 2014 đến năm 2020 đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp nay là Ủy ban nhân dân xã M, tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận kết hôn số 13 ngày 24/02/2020. Vợ chồng sống chung với nhau hạnh phúc một thời gian dài đến tháng 7 năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau về kinh tế gia đình khó khăn. Vì vậy vợ chồng đã xa nhau và ly thân từ năm tháng 7 năm 2025 cho đến nay. Do còn thương vợ con nên anh T không đồng ý ly hôn với chị N. Quá trình sống chung thì anh T và chị N có 02 con chung tên Trần Khánh B, sinh ngày 18/10/2020 và Trần Chánh K, sinh ngày 22/3/2015, hiện 02 con đang sống với anh T. Trong trường hợp Hội đồng xét xử cho chị N được ly hôn với anh T thì anh T yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi cháu B và cháu K. Anh T không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Về chia tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Anh T cam kết không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị Tuyết N yêu cầu được ly hôn với anh Trần Minh T, chị Trần Thị Tuyết N đồng ý giao 02 con chung tên Trần Khánh B, sinh ngày 18/10/2020 và Trần Chánh K, sinh ngày 22/3/2015 cho anh T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chị N không cấp dưỡng nuôi con, ngoài ra không có yêu cầu gì khác nên quan hệ pháp luật được xác định là hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”. Bị đơn Trần Minh T có địa chỉ thường trú tại xã M, tỉnh Đồng Tháp do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Trần Thị Tuyết N và anh Trần Minh T sống chung với nhau như vợ chồng vào năm 2014, đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2020 trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp nay là Ủy ban nhân dân xã M, tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận kết hôn số 13 ngày 24/02/2020, đã tuân thủ quy định tại khoản 1 Điều 8 và khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình, nên được Tòa án công nhận là vợ chồng hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn, lẽ ra chị N và anh T phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, sau nhiều năm chung sống, chị N và anh T đã không làm được điều đó, mà chị N và anh T thường xuyên cãi nhau, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong việc quản lý tiền bạc trong gia đình, tình cảm ngày càng lạnh nhạt, chị N và anh T không còn sống chung với nhau từ tháng 07/2025 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Trần Thị Tuyết N yêu cầu được ly hôn với anh Trần Minh T.

Anh Trần Minh T cho rằng còn thương vợ con nên không đồng ý ly hôn với chị Trần Thị Tuyết N.

Xét thấy, từ khi xa nhau đến nay mặc dù anh T cho rằng còn thương vợ con nhưng anh T không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, trong cuộc sống thì không ai quan tâm ai, mỗi người đều có cuộc sống riêng và chị N giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh T.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự đủ căn cứ xác định mâu thuẫn giữa chị N và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật nhân và ia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Tuyết N đối với anh Trần Minh T.

[2.2] Về con chung: Quá trình sống chung thì anh T và chị N có 02 con chung tên Trần Khánh B, sinh ngày 18/10/2020 và Trần Chánh K, sinh ngày 22/3/2015, hiện 02 con đang sống với anh T, anh T yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi cháu B và cháu K.

Chị N cũng đồng ý giao cháu Trần Khánh B, sinh ngày 18/10/2020 và Trần Chánh K, sinh ngày 22/3/2015 cho anh T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Xét thấy thoả thuận của các đương sự về người trực nuôi con sau khi ly hôn là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo luật xã hội nên Hội đồng xét xử công nhận sự thoả thuận của các đương sự và giao cháu Trần Khánh B, sinh ngày 18/10/2020 và Trần Chánh K, sinh ngày 22/3/2015 cho anh T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con được đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở. Không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N và anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung: Chị N và anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.5] Về nợ chung: Chị N và anh T trình bày vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Tuyết N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định.

[5] Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Tuyết N và anh Trần Minh T có quyền kháng cáo bản án này theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật nhân và đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban vụ Q quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Tuyết N.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị Tuyết N được ly hôn với anh Trần Minh T.

1.2. Về con chung: Giao con chung tên Trần Khánh B, sinh ngày 18/10/2020 và Trần Chánh K, sinh ngày 22/3/2015 cho anh Trần Minh T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con được đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở. Không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét, giải quyết.

1.4. Về tài sản chung: Không xem xét, giải quyết.

1.5. Về nợ chung: Không có.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Trần Thị Tuyết N phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí toà án số 0001581 ngày 27 tháng 01 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Tuyết N và anh Trần Minh T có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSNDKV 7 - Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã M, tỉnh Đồng Tháp (CNKH số 13 ngày 24/02/2020) (biết);
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Văn Nhựt Minh